

Thứ tư, ngày 27 tháng 9 năm 2023

Vietnam Daily Review

Thị trường đang giao dịch trong biên độ lớn

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 27/9/2023		●	
Tuần 25/09-29/09/2023		●	
Tháng 09/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường tiếp tục giảm xuống ngưỡng 1,130 trong phiên sáng trước khi bật tăng trong phiên chiều. VN-Index kết phiên tại mốc 1,153.85 điểm, tăng gần 16 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 16/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dịch vụ tài chính dẫn đầu đã tăng, theo sau là ngành Hóa chất cũng lợi dòng sau hai phiên giảm mạnh trước đó. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Phiên hôm nay cho thấy dòng tiền vào đã xuất hiện tại ngưỡng 1,130, tuy nhiên thanh khoản vẫn còn yếu. Thị trường đã xuất hiện một số tín hiệu tương đối khả quan tuy nhiên nhà đầu tư cần tiếp tục thận trọng quan sát và cân nhắc giao dịch khi có các tín hiệu xác nhận

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 27/9/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+15.89** điểm, đóng cửa **1153.85** điểm. HNX-Index **+6.09** điểm, đóng cửa **235.84** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.12)**, **MSN (+1.11)**, **VPB (+0.94)**, **GVR (+0.93)**, **CTG (+0.85)**.
- Kéo chỉ số giảm: **SAB (-0.37)**, **PLX (-0.17)**, **BHN (-0.04)**, **PDN (-0.03)**, **TMP (-0.03)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **16057** tỷ đồng, giảm **-19.29%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **18193** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **27.49** điểm. Thị trường có **308** mã tăng, **69** mã tham chiếu, **191** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **310.34** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **GEX (106.98 tỷ)**, **GAS (54.35 tỷ)**, **MWG (44.19 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **20.3** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **+2.18%**. Các mã diễn biến tích cực: **VGC (+5.97%)**, **GMD (+5.44%)**, **NLG (+5.17%)**.
- BSC50 **+3.19%**. Các mã diễn biến tích cực: **HUT (+9.95%)**, **TNG (+9.73%)**, **PC1 (+6.99%)**.

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Dịch vụ tài chính	4.67%	Công nghệ Thông	0.94%
Hóa chất	3.11%	Bảo hiểm	0.83%
Xây dựng và Vật liệu	2.98%	Ô tô và phụ tùng	0.66%
Hàng & Dịch vụ Công	2.79%	Y tế	0.18%
Bán lẻ	1.46%	Điện, nước & xăng	0.18%
Tài nguyên Cơ bản	1.45%	Dầu khí	-0.05%
Bất động sản	1.34%	Truyền thông	-0.14%
Thực phẩm và đồ uống	1.14%	VNMID	3.14%
Ngân hàng	1.12%	VNSML	1.76%
Du lịch và Giải trí	1.04%	VN30	1.32%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.97%		

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1153.85**

Giá trị: 16056.81 tỷ **15.89 (1.4%)**

Khối ngoại (ròng): 310.34 tỷ

HNX-INDEX **235.84**

Giá trị: 1808.72 tỷ **6.09 (2.65%)**

Khối ngoại (ròng): 20.3 tỷ

UPCOM-INDEX **88.73**

Giá trị: 825.3 tỷ **0.31 (0.35%)**

Khối ngoại (ròng): 51 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	93.3	0.76%
Giá vàng	1,916	-0.50%
Tỷ giá USD/VND	24,378	-0.03%
Tỷ giá EUR/VND	25,739	-0.13%
Tỷ giá JPY/VND	164	-0.06%
LS liên NH 1 tháng	1.2%	0.00%
LS TPCP 5 năm	1.9%	-3.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
GEX	106.98	VCI	-71.22
GAS	54.35	SSI	-34.79
MWG	44.19	VIC	-22.04
PDR	34.96	HPG	-20.09
DGC	32.98	STB	-16.16

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 27/09

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	89.68	0.89%	0.00%	13.57%	16.28%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	93.29	0.76%	-0.36%	12.08%	13.10%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.57	0.99%	-3.35%	0.08%	12.80%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.65	0.60%	-6.78%	-0.38%	-62.02%		
TTF Gas	EUR/MWh	40.32	-9.27%	9.62%	4.97%	-78.33%		
Vàng	Ounce	1,915.61	-0.50%	-1.58%	-1.00%	16.68%		PNJ
Bạc	Ounce	22.84	-1.15%	-1.66%	-5.82%	23.95%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,302.75	0.39%	-0.97%	-7.33%	-7.48%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	18.38	-0.22%	0.11%	6.86%	-7.55%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	137.20	-1.22%	-2.97%	3.24%	2.08%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	26.02	-1.10%	-5.17%	1.76%	43.05%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS;
Ure	USD/T	427.50	0.00%	0.59%	16.33%	-50.41%		DPM, DCM
Niken	LB	18,859.00	-1.64%	-3.86%	-8.52%	-14.43%		PC1
Đồng	LB	3.62	-0.76%	-2.66%	-3.58%	9.92%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	3,090.00	0.00%	0.00%	13.19%	15.73%		CSV
Thép	CNY/ton	3,671.00	-1.02%	-4.20%	-0.60%	-7.30%		HPG
Nhôm	Ton	2,246.00	0.56%	1.38%	3.57%	6.24%	CAV, SAM, TGP, VTH	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu Brent kết thúc phiên nhích 2 US cent lên 93.29 USD/thùng, gấu thô trung cấp West Texas của Mỹ hạ nhẹ 35 cent xuống 89.68 USD.
- Giá dầu gần như ổn định vào lúc đóng cửa phiên giao dịch thứ Hai (25/9) do Nga nới lỏng lệnh cấm xuất khẩu nhiên liệu và lo ngại lãi suất tăng cao có thể làm hạn chế nhu cầu.

Giá vàng

- Giá vàng giao ngay kết thúc phiên giảm 0.5% xuống 1,915.61 USD/ounce; vàng kỳ hạn tháng 12 giảm 0.5% ở xuống 1,936.6 USD.
- Giá vàng giảm khi đồng đô la và lãi suất trái phiếu kho bạc Mỹ ổn định nhờ lập trường của Cục Dự trữ Liên bang (Fed) là tiếp tục giữ lãi suất cao hơn trong thời gian dài hơn.

Giá quặng sắt

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 1 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên (DCE) của Trung Quốc đã kết thúc giao dịch trong ngày giảm 2.03% so với phiên giao dịch liền trước, xuống 844.5 nhân dân tệ (115.55 USD)/tấn, mức yếu nhất kể từ ngày 11 tháng 9. Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 10 trên Sàn giao dịch Singapore giảm 4.23% xuống 116.05 USD/tấn, cũng là mức thấp nhất kể từ ngày 11 tháng 9.
- Giá quặng sắt giảm do các thương nhân lo lắng về mức tiêu thụ thép yếu hơn dự kiến trong mùa xây dựng cao điểm và khả năng hạn chế sản lượng thép trong mùa đông tại nước tiêu thụ hàng đầu thế giới - Trung Quốc.

Giá hàng hóa khác

- Giá đường giảm khỏi mức cao nhất trong nhiều năm gần đây trong bối cảnh đồng đô la mạnh hơn, mặc dù các đại lý dự đoán vấn đề nguồn cung sẽ giữ nguyên xu hướng tăng.
- Đường thô kỳ hạn tháng 10 kết thúc phiên giảm 0.66 cent, tương đương 2.4%, xuống 26.31 cent/lb, sau khi thiết lập mức cao nhất trong 12 năm vào tuần trước.
- Đường trắng kỳ hạn tháng 12 giảm 12.70 USD, tương đương 1.7%, xuống 718.10 USD/tấn. Hợp đồng này đã mất 2.3% vào tuần trước.

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo bảo
VCB	Ngân hàng	87.8	0.9%	0.9	20,128	4.3	5,532	15.9	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	44.4	0.1%	0.8	9,212	2.0	3,972	11.2	54,578	17.2%	Link
VPB	Ngân hàng	21.0	2.7%	1.1	5,782	10.9	1,793	11.7	23,685	16.5%	Link
TCB	Ngân hàng	32.6	0.6%	1.6	4,703	4.8	5,442	6.0	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	18.5	1.4%	1.5	3,956	6.6	3,445	5.4	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	31.8	1.4%	1.2	2,459	25.2	3,006	10.6	31,200	22.7%	Link
GVR	BDS KCN	19.8	4.7%	1.9	3,257	3.5	677	29.3	19,100	0.4%	Link
KBC	BDS KCN	32.6	3.0%	1.6	1,026	13.9	4,326	7.5	42,500	20.7%	Link
IDC	BDS KCN	48.0	3.2%	1.6	650	6.6	3,578	13.4	45,900	12.1%	Link
VGC	BDS KCN	47.9	6.0%	1.8	881	1.8	2,580	18.6	-	5.3%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	26.5	1.1%	2.1	6,320	22.1	(326)	-81.3	23,300	25.1%	Link
VHM	Bất động sản	45.1	0.2%	1.1	8,055	12.0	10,326	4.4	79,900	24.2%	Link
VRE	BDS	26.1	1.2%	1.0	2,433	4.4	1,588	16.4	38,900	32.5%	Link
KDH	BDS	32.4	2.9%	1.8	953	1.3	1,268	25.6	44,100	38.9%	Link
NLG	BDS	34.6	5.2%	1.7	545	3.0	1,294	26.7	46,100	41.5%	Link
DGC	Hóa chất	91.6	1.2%	1.8	1,427	20.9	10,627	8.6	85,000	15.0%	Link
DPM	Phân bón	36.8	2.2%	1.0	591	3.9	6,392	5.8	41,000	12.3%	Link
DCM	Phân bón	32.5	3.2%	1.3	706	3.6	4,283	7.6	36,000	10.8%	Link
GAS	Dầu khí	88.9	0.1%	0.6	8,375	2.1	5,549	16.0	110,500	2.4%	Link
PLX	Dầu khí	36.6	-1.5%	0.9	1,905	2.5	2,063	17.7	45,000	17.1%	Link
PVS	Dầu khí	37.4	5.1%	1.1	733	7.9	1,930	19.4	38,500	20.4%	Link
PVD	Dầu khí	25.2	5.0%	1.1	575	3.2	460	54.8	29,000	21.5%	Link
POW	Tiện ích	11.8	0.9%	0.9	1,129	2.2	579	20.3	14,500	5.5%	Link
VNM	F&B	76.6	0.7%	0.4	6,566	7.1	3,920	19.5	81,700	55.2%	Link
MSN	F&B	76.0	4.1%	1.3	4,460	6.7	690	110.2	27,700	29.8%	Link
MWG	Bán lẻ	52.0	1.0%	1.8	3,120	10.5	1,069	48.6	63,800	48.3%	Link
PNJ	Bán lẻ	79.1	0.8%	0.7	1,064	1.3	5,503	14.4	83,500	49.0%	Link
VHC	Thủy sản	77.1	2.3%	0.9	580	3.0	6,986	11.0	90,900	31.0%	Link
GMD	Logistics	64.0	5.4%	0.5	803	4.4	7,252	8.8	57,000	47.6%	Link
FPT	Công nghệ	94.3	0.9%	0.6	4,912	17.4	4,301	21.9	108,000	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	31.0	2.30%	1.1	6,111	4.6	3,548	8.7	1.4	27.4%	16.3%
ACB	Ngân hàng	22.0	0.5%	1.1	3,505	5.1	3,742	5.9	1.4	30.0%	26.3%
HDB	Ngân hàng	17.4	0.0%	0.8	2,064	4.6	2,738	6.4	1.3	20.0%	23.9%
LPB	Ngân hàng	13.2	0.4%	1.3	1,390	1.5	1,694	7.8	1.4	2.4%	19.9%
VIB	Ngân hàng	19.6	1.6%	1.2	2,034	3.6	3,469	5.6	1.5	20.5%	30.0%
VND	Chứng khoán	21.8	5.8%	1.9	1,092	23.3	489	44.7	1.8	23.2%	4.8%
TPB	Ngân hàng	17.8	0.6%	1.0	1,607	4.2	2,895	6.1	1.2	29.8%	20.9%
SSI	chứng khoán	33.0	6.8%	1.6	2,029	43.4	999	33.0	2.2	44.1%	7.9%
CII	Xây dựng	19.3	3.8%	1.7	225	9.0	153	126.5	7.8	7.9%	3.0%
C4G	Xây dựng	13.0	1.6%	2.0	0	1.5	474	27.4	1.8	0.0%	6.9%
CTD	Xây dựng	63.0	-0.6%	2.0	192	1.9	182	345.4	0.6	44.1%	0.2%
HHV	Xây dựng	15.9	5.3%	1.7	215	4.4	875	18.2	1.0	5.7%	3.9%
LCG	Xây dựng	12.4	2.5%	2.1	96	4.9	478	25.9	1.0	2.3%	6.0%
BCM	KCN	66.2	0.5%	0.7	2,810	0.6	521	127.0	3.9	2.4%	7.6%
HUT	KCN	23.2	12.1%	1.5	849	7.2	56	410.8	5.7	0.8%	1.3%
PHR	KCN	48.0	2.8%	1.3	267	0.9	6,526	7.4	1.9	16.3%	24.4%
SZC	KCN	35.8	5.3%	1.8	176	1.7	1,405	25.5	2.6	3.0%	9.0%
HSG	Vật liệu	20.0	5.3%	2.3	505	9.7	(2,114)	-9.5	1.2	20.9%	2.3%
HT1	Vật liệu	13.5	0.0%	1.6	211	0.2	176	76.7	1.1	2.8%	3.0%
NKG	Vật liệu	19.8	4.8%	2.5	213	5.6	(2,655)	-7.4	1.0	10.4%	13.5%
PTB	Vật liệu	59.0	0.2%	1.0	162	0.9	5,299	11.1	1.5	19.3%	15.6%
KSB	Vật liệu	28.0	4.5%	1.7	88	2.4	1,482	18.9	1.1	2.0%	6.5%
NVL	BDS	15.5	2.3%	1.5	1,240	19.4	(270)	-57.4	0.8	3.5%	1.9%
DXG	BDS	19.2	6.4%	2.7	480	14.0	(318)	-60.3	0.8	20.2%	3.4%
HDC	BDS	31.8	6.9%	1.0	176	3.7	2,189	14.5	2.3	1.9%	20.6%
DIG	BDS	25.5	4.1%	2.4	638	17.8	154	165.5	2.0	5.3%	2.1%
IJC	BDS	14.7	2.1%	2.1	152	1.0	1,597	9.2	1.0	5.5%	12.1%
BSR	Dầu khí	21.6	1.0%	1.4	0	11.7	1,600	13.5	1.3	0.0%	29.6%
PVT	Dầu khí	27.0	4.7%	0.7	358	4.8	2,742	9.8	1.0	12.7%	15.1%
PLC	Vật liệu	33.3	1.8%	1.6	110	0.2	1,353	24.6	2.1	1.2%	9.4%
DRC	Săm lốp	23.0	0.0%	1.2	112	0.5	1,981	11.6	1.6	12.2%	14.4%
REE	Tiện ích	62.9	1.6%	0.7	1,054	1.0	6,116	10.3	1.3	49.0%	19.7%
GEX	Tiện ích	20.5	6.8%	1.9	716	22.0	(4)	-5318.2	0.9	11.5%	4.2%
NT2	Tiện ích	24.6	0.4%	0.6	290	0.7	2,560	9.6	1.5	15.3%	21.4%
HDG	Bất động sản	28.6	5.3%	1.8	359	2.4	2,605	11.0	1.3	22.4%	22.8%
PC1	Tiện ích	30.6	7.0%	1.6	339	6.1	974	31.4	1.5	5.5%	6.2%
GEG	Tiện ích	14.6	4.3%	1.0	204	0.6	640	22.8	0.9	37.9%	6.2%
BCG	Tiện ích	10.1	3.1%	2.5	221	4.4	(165)	-61.2	0.4	1.8%	0.3%
SAB	F&B	74.1	-1.6%	0.1	3,898	1.5	3,478	21.3	3.9	31.0%	21.8%
QNS	F&B	48.8	0.0%	0.5	0	2.8	4,965	9.8	2.3	16.0%	19.5%
FRT	Bán lẻ	85.0	1.3%	1.5	475	3.1	(356)	-239.0	7.2	35.6%	11.8%
DGW	Bán lẻ	57.0	5.6%	2.2	391	4.0	2,959	19.3	4.3	22.0%	24.7%
DBC	F&B	22.3	5.7%	2.1	221	3.0	551	40.5	1.2	5.6%	3.2%
PET	Bán lẻ	27.2	4.4%	2.4	119	0.7	834	32.6	1.5	0.0%	6.3%
BAF	F&B	22.0	6.8%	1.1	130	3.1	1,222	18.0	1.8	0.1%	12.1%
ANV	Thủy sản	36.1	1.4%	1.7	197	4.4	2,162	16.7	1.8	4.0%	20.8%
VSC	Logistics	28.3	5.2%	0.3	155	2.0	1,262	22.4	1.2	2.7%	10.7%
HAH	Logistics	37.5	4.2%	1.2	162	5.6	5,908	6.3	1.3	23.7%	35.9%
CTR	Công nghệ	76.0	1.5%	1.5	357	1.2	4,238	17.9	5.3	9.9%	29.4%
TNG	Dệt may	20.3	2.0%	1.6	94	2.0	2,616	7.8	1.4	18.8%	19.1%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639